

Số: /YCBG-BVĐK

Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Gói vật tư, dụng cụ y tế năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư, dụng cụ y tế phục vụ công tác chuyên môn năm 2024. Nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn

Địa chỉ: Thôn Đại Sơn, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Bùi Mạnh Ước

Chức vụ: Trưởng phòng Vật tư-TTBYT

Số điện thoại: 0986123321

Địa chỉ email: buimanhuoc@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn.

- Nhận qua email: buimanhuoc@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h ngày 5 tháng 6 năm 2024 đến trước 16h ngày 16 tháng 6 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục:

TT	Danh mục dịch vụ, hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1.	Ambu bóp bóng người lớn	Bộ gồm : - 01 bóng bóp cấp cứu - 01 mặt nạ - 01 túi chứa khí - 01 bộ dây nối oxy - 01 bộ đường thông khí	Cái	30
2.	Ambu bóp bóng trẻ em	Bộ gồm : - 01 bóng bóp cấp cứu - 01 mặt nạ - 01 túi chứa khí - 01 bộ dây nối oxy	Cái	15

		- 01 bộ đường thông khí		
3.	Bàn chải phẫu thuật	- Cấu tạo: Thân bàn chải được sản xuất từ nhựa cứng, đầu lông bàn chải mềm dễ dàng làm sạch các kẽ tay cho kỹ thuật viên trước khi phẫu thuật. - Công dụng: Vệ sinh tay trước khi mổ	Cái	200
4.	Bàn tít	- Kích thước: DxRxC (90x 50x 70)cm - Vật liệu: Inox 304	Cái	1
5.	Bàn tít	- Kích thước: DxRxC (60x 40x tăng chính)cm - Vật liệu: Inox 304	Cái	4
6.	Bát kê 16cm	- Vật liệu: Inox 304	Cái	50
7.	Bát kê 8cm	- Vật liệu: Inox 304	Cái	200
8.	Bát kê 12cm	- Vật liệu: Inox 304	Cái	60
9.	Bình Nước nội soi	- Công dụng: Bình nước cung cấp nước từ ống nội soi. - Dùng tương thích với hệ thống nội soi CV150 Olympus hoặc tương đương	Cái	2
10.	Bộ dụng cụ rửa dạ dày trẻ em	- Vật liệu: Silicon sử dụng nhiều lần; - Công dụng: hỗ trợ trong việc súc, rửa dạ dày bằng một hệ thống khép kín. - Làm từ mũ cao su tự nhiên.	Cái	10
11.	Đèn đặt nội khí quản người lớn	- Dùng cho người lớn; Loại 4 lưỡi - Vật liệu: Thép không gỉ.	Bộ	15
12.	Đèn đặt nội khí quản trẻ em	- Dùng cho Bệnh nhân Nhi; Loại 03 lưỡi - Vật liệu: Thép không gỉ.	Bộ	2
13.	Bộ đo nhãn áp hơi	- Vật liệu: Thép không gỉ, các bộ phận được mạ Crom	Bộ	1
14.	Bộ mở khí quản	Bộ gồm 13 chi tiết tiêu chuẩn - Vật liệu: Thép không gỉ	Bộ	1
15.	Bộ dụng cụ thủ thuật	- Bộ gồm 4 chi tiết tiêu chuẩn - Vật liệu: Thép không gỉ	Bộ	10
16.	Bốc thụt tháo	- Ca inox dung tích 1 lít \pm 5% - 01 dây Silion - 01 khớp nối canuyn	Cái	4
17.	Bơm tiêm áp lực	- Dạng tiêm áp lực thủ công - Vật liệu: Thép không gỉ	Cái	5
18.	Cân sức khỏe	- Loại có thước đo chiều cao và cân nặng Thông số kỹ thuật: - Cân trọng lượng: Từ 0-120kg - Đo chiều cao: Từ 70cm - 190cm	Cái	6
19.	Chậu ngâm cidex	- Vật liệu nhựa, màu xanh - Loại tròn; Đường kính 60 cm \pm 5%, cao 30 cm \pm 5%	Cái	2
20.	Chậu Inox	- Loại tròn; Đường kính 40cm \pm 5%; chiều cao: 20cm \pm 5% - Vật liệu: inox 304	Cái	5
21.	Dây ga rô cao su	- Kích thước dài x rộng : (28 x 2) cm \pm 5% - Vật liệu: Cao su, dùng nhiều lần	Cái	1000

22.	Dung dịch rửa mắt thường quy	- Chức năng: Rửa sạch hóa chất acid, bazơ, cân bằng PH cho mắt trong thời gian nhanh nhất. - Thành phần chính: Dung dịch vô trùng sodium chloride 0.9%. - Thời gian rửa mắt: 10 phút	Chai	4
23.	Đèn đọc phim	- Kích thước khung: (470x545x24)mm± 5% - Công suất: 25 W - Tần số nguồn sáng: 50.000 Hz - Ánh sáng LED - Nguồn cung cấp: AC 220V-50Hz	Cái	5
24.	Giá đỡ pipet	- Giá để ống nghiệm 5 chỗ, - Cấu tạo bằng nhựa y tế	Cái	5
25.	Hộp đựng bông cotton	- Kích cỡ: Đường kính 10cm ± 5% - Vật liệu: Inox 304	Cái	50
26.	Hộp đựng Cidex	- Vật liệu: Nhựa, màu xanh - Kích thước (20x20x100) cm ± 5%	Cái	2
27.	Hộp đựng thuốc	- Vật liệu: Nhựa dùng nhiều lần, loại 4 ngăn dùng để chia thuốc hàng ngày	Hộp	300
28.	Kéo cắt tăng sinh môn dài 17cm	- Vật liệu: Thép không gỉ - Loại thẳng	Cái	15
29.	Kéo thẳng, mũi nhọn 10.5cm	- Vật liệu: Thép không gỉ - Loại thẳng, mũi nhọn	Cái	30
30.	Kéo thẳng, mũi nhọn 11.5cm	- Vật liệu: Thép không gỉ - Loại thẳng, mũi nhọn	cái	30
31.	Kéo thẳng, mũi nhọn 15cm	- Vật liệu: Thép không gỉ - Loại thẳng, mũi nhọn	cái	80
32.	Kéo thẳng, mũi nhọn 18.5cm	- Vật liệu: Thép không gỉ - Loại thẳng, mũi nhọn	Cái	20
33.	Kéo thẳng, mũi nhọn 20cm	- Vật liệu: Thép không gỉ - Loại thẳng, mũi nhọn	Cái	20
34.	Kéo cong, mũi nhọn 12cm	- Vật liệu: Thép không gỉ - Loại cong, mũi nhọn	Cái	40
35.	Kéo thẳng, mũi tù 14.5cm	- Vật liệu: Thép không gỉ - Kéo thẳng, mũi tù	Cái	15
36.	Kéo thẳng, mũi tù 16.5cm	- Vật liệu: Thép không gỉ - Kéo thẳng, mũi tù	Cái	30
37.	Kẹp cổ tử cung 25cm	- Vật liệu: Thép không gỉ	Cái	15
38.	Kẹp phẫu tích có máu 12cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 410	Cái	10
39.	Kẹp phẫu tích có máu 14.5cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 410	Cái	20
40.	Kẹp phẫu tích có máu 16cm	- Vật liệu: Thép không gỉ	Cái	80
41.	Kẹp phẫu tích có máu 18cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 410	Cái	10
42.	Kẹp phẫu tích có máu 25cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 410	Cái	3

43.	Kẹp phẫu tích không máu 14.5cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 410	Cái	20
44.	Kẹp phẫu tích không máu 16cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 410	Cái	80
45.	Kẹp phẫu tích không máu 18cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 410	Cái	15
46.	Kẹp phẫu tích không máu 25cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 410	Cái	15
47.	Kẹp răng chuột dài 16cm	- Vật liệu: Thép không gỉ	Cái	1
48.	Kìm bấm sinh thiết cổ tử cung	- Vật liệu: Thép không gỉ - Chiều dài từ cán đến đầu kim ≥ 24 cm - Miếng kim $\geq 2.3 \times 4.2$ mm	Cái	1
49.	Kìm gấp dị vật phế quản	- Kìm gấp dị vật ngàm răng chuột dùng nhiều lần. - Chiều dài làm việc ≥ 1050 mm. - Độ mở ngàm ≥ 3.5 mm.	Cái	1
50.	Kìm mang kim 13cm	- Vật liệu: Thép không gỉ - Loại thẳng	Cái	10
51.	Kìm mang kim 16cm	- Vật liệu: Thép không gỉ - Loại thẳng	Chiếc	20
52.	Kìm mang kim 18cm	- Vật liệu: Thép không gỉ - Loại thẳng	Cái	30
53.	Kìm mang kim 14cm	- Dụng cụ giữ kim Castroviejo - Hàm tiêu chuẩn, bề mặt có rãnh nhỏ 1mm cong, có khóa, titanium	Cái	1
54.	Kìm mở miệng	- Vật liệu: Thép không gỉ - Dài: 20cm $\pm 5\%$ - Dùng để mở miệng	Cái	2
55.	Kìm sinh thiết dạ dày	- Kìm sinh thiết loại tiêu chuẩn có lỗ bên dùng nhiều lần. - Chiều dài làm việc 1550mm $\pm 5\%$ - Độ mở ngàm ≥ 4.8 mm.	Cái	1
56.	Kìm sinh thiết dạ dày đường mũi	- Kìm sinh thiết loại tiêu chuẩn có lỗ bên dùng nhiều lần. - Chiều dài làm việc: ≥ 1550 mm. - Độ mở ngàm: ≥ 4.0 mm. - Kênh dụng cụ tối thiểu: ≥ 2.0 mm.	Cái	1
57.	Kìm sinh thiết đại tràng	- Kìm sinh thiết loại ngàm dài có lỗ bên kèm kim dùng nhiều lần. - Chiều dài làm việc: ≥ 1950 mm. - Độ mở ngàm: ≥ 7.3 mm.	Cái	1
58.	Khay chữ nhật	- Vật liệu: Inox - Kích thước: (30 x 40 x 5)cm $\pm 5\%$	Cái	10
59.	Khay chữ nhật	- Vật liệu: Inox - Kích thước: (20 x 30 x 5)cm $\pm 5\%$	Cái	30

60.	Khay quả đậu	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 304 - Kích thước: (20x10) cm± 5%	Cái	100
61.	Mỏ vít loại to	- Vật liệu: Thép không gỉ - Kích thước: (95 x 35) mm± 5%	Cái	10
62.	Mỏ vít loại nhỏ	- Vật liệu: Thép không gỉ - Kích thước (75 x 20) mm± 5%	Cái	10
63.	Móc vòng 22cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 304 - Dạng móc Simon - Dùng trong sản khoa	Cái	2
64.	Banh mở mũi 15cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 410 - Dạng banh mũi Killian - Dùng để mở mũi	Cái	5
65.	Muỗng nạo đặc cổ tử cung 25cm	- Vật liệu: Thép không gỉ - Dùng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế.	Cái	5
66.	Nĩa móc có răng 12cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 410 - Dạng kẹp phẫu tích Adson-Micro	Cái	5
67.	Nĩa móc không răng 12cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 410 - Dạng kẹp phẫu tích Adson-Micro	Cái	5
68.	Ấm kế nhiệt kế	Loại tròn, treo tường - Khoảng đo độ ẩm từ 0% - 100% - Độ chính xác +/-5%, - Khoảng đo nhiệt độ là -20oC đến 60oC - Độ chính xác là +/-1oC	Cái	6
69.	Nhiệt kế thủy ngân	- Dùng đo nhiệt độ cơ thể - Vạch chia độ rõ nét, dễ quan sát. - Khoảng đo: từ 35- 42 độ C. - Có hộp nhựa để bảo quản.	Cái	1200
70.	Nhựa ngáng miệng	- Dùng trong thủ thuật thăm dò chức năng qua đường miệng	Cái	3
71.	Panh thẳng có máu 14cm	Thép dùng trong y tế	Cái	10
72.	Panh thẳng có máu 16cm	Thép dùng trong y tế	Cái	50
73.	Panh thẳng, không máu 10cm	Thép dùng trong y tế	Cái	10
74.	Panh thẳng không máu 16cm	Thép dùng trong y tế	Cái	50
75.	Panh thẳng không máu 22cm	Thép dùng trong y tế	Cái	20
76.	Panh thẳng không máu 30cm	Thép dùng trong y tế	Cái	5
77.	Panh cong không máu 12cm	Thép dùng trong y tế	Cái	10
78.	Panh cong không máu 15cm	Thép dùng trong y tế	Cái	10
79.	Panh cong không máu 16cm	Thép dùng trong y tế	Cái	30
80.	Panh Ång cơ 25cm	Thép dùng trong y tế	Cái	10
81.	Parabop 15cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI	Cái	5

		304 - Bộ gồm 2 banh phẫu thuật Mayo-Collin		
82.	Parabop 15cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 304 - Bộ gồm 2 banh phẫu thuật Farabeuf	Cái	5
83.	Parabop 13cm	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 304 - Bộ gồm 2 banh phẫu thuật Farabeuf	Cái	5
84.	Rọ bắt dị vật 3 cạnh (rọ lấy sỏi)	- Rọ lấy sỏi dùng một lần. - Dùng trong thủ thuật của thăm dò chức năng	Cái	2
85.	Pipet 1 kênh 5-50 µl	- Piston được làm từ chất liệu Fortron - Dải thể tích 5-50 µl; có thể điều chỉnh được	Cái	3
86.	Pipet 1 kênh 10-100 µl	- Piston được làm từ chất liệu Fortron - Dải thể tích 10-100 µl; có thể điều chỉnh được	Cái	2
87.	Pipet 1 kênh 20-200 µl	- Piston được làm từ chất liệu Fortron - Dải thể tích 20-200 µl; có thể điều chỉnh được	Cái	1
88.	Sáp parafin	- Sáp parafin dạng sáp màu trắng. - Dùng trong y tế	Kg	300
89.	Sợi quang laser	- Loại dây dẫn 550 µm. - Độ dài: 3m± 5% - Cổng kết nối SMA 905 - Có vỏ bảo vệ, chống nước - Công suất đầu ra lớn nhất có thể truyền qua 100W - Có thể ngâm khử khuẩn được	Cái	1
90.	Tua vít 6 cạnh 4,5 mm	- Vật liệu: Chất liệu thép, cán gỗ - Dùng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế.	Cái	3
91.	Tua vít 6 cạnh 3,5 mm	- Vật liệu: Chất liệu thép, cán gỗ - Dùng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế.	Cái	3
92.	Túi đóng thuốc nam	- Độ dài tối thiểu 400 m - Rộng: 10 cm± 5% - Chất liệu: PET chịu nhiệt, chịu lực	Cặp	60
93.	Túi đựng thuốc để sắc	- Chất liệu: Vải lưới, dùng để đựng thuốc - Dùng nhiều lần - Túi cỡ tối thiểu 40 x 50cm ± 5%	Cái	100
94.	Thìa nạo số 1	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 304 - Muỗng nạo phẫu thuật Sims Rỗng, tù - Dùng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế	Cái	5
95.	Thìa nạo số 2	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 304 - Muỗng nạo phẫu thuật Sims Rỗng, tù - Dùng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế	Cái	5
96.	Thìa nạo số 3	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 304 - Muỗng nạo phẫu thuật Sims Rỗng, tù	Cái	5

		- Dùng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế		
97.	Thước đo cổ tử cung số 2	- Vật liệu: Chất liệu thép không gỉ AISI 304 - Thước đo cổ tử cung Sims - Dùng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế	Cái	10
98.	Trụ cầm panh	- Vật liệu: Inox 304 - Chiều cao: 13cm± 5% - Dùng để cầm dụng cụ y tế	Chiếc	50
99.	Van 2 chiều	- Van 2 chiều (Nắp đậy ổ van) - Tương thích với ống soi của hệ thống nội soi CV150 Olympus	Cái	1
100.	Van 3 chiều	- Van 3 chiều (Ống hút rửa) - Tương thích với ống soi của hệ thống nội soi CV150 Olympus	Cái	1
101.	Van âm đạo	- Vật liệu: thép không gỉ. - Dùng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế	Cái	10
102.	Banh trực tràng	- Vật liệu: thép không gỉ. - Bánh trực tràng Sims ≥ 15 cm; - Dùng trong thủ thuật thăm dò chức năng	Cái	1
103.	Van hơi nội soi dạ dày, đại tràng	- Van khí nước dùng trong thủ thuật thăm dò chức năng - Tương thích với ống soi của hệ thống nội soi CV150 Olympus	Cái	4
104.	Van hút nội soi dạ dày, đại tràng	- Van hút dùng trong thủ thuật thăm dò chức năng - Tương thích với ống soi của hệ thống nội soi CV150 Olympus	Cái	4
105.	Van sinh thiết dạ dày, đại tràng	- Van sinh thiết dùng trong thủ thuật thăm dò chức năng - Tương thích với ống soi của hệ thống nội soi CV150 Olympus	Cái	10
106.	Xe lăn bệnh nhân	Hợp kim nhôm	Cái	15
107.	Van sinh thiết phế quản	- Van sinh thiết phế quản dùng trong thủ thuật thăm dò chức năng - Tương thích với ống soi của hệ thống nội soi CV150 Olympus	Cái	5
Cộng: 107 khoản				

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn, Thôn Đại Sơn, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Yêu cầu báo giá gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 15 ngày từ khi tiếp nhận thông tin yêu cầu của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn.

4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:

Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Thanh toán theo số lượng giao hàng thực tế hàng tháng tới Bệnh viện, và công ty đã xuất trình đầy đủ các chứng từ thanh toán.

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

5. Bảng giá: Mẫu theo phụ lục 01

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Đăng: Website BV;
- BGĐ, VT-TTBYT, TCKT;
- Lưu Văn thư.

GIÁM ĐỐC

Trương Quý Trường

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số / YCBG-BVĐK ngày tháng 6 năm 2024)

**CÁC BIỂU MẪU HỒ SƠ BÁO GIÁ
BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số / YCBG-BVĐK ngày ... tháng năm 2024 của Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Lạng Sơn, chúng tôi.....(ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá(gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh)-Mã số thuế:.....

Báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

STT	Danh mục	Ký, mã, nhãn hiệu, Model, Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Xuất xứ	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)	Thành tiền (VNĐ)
1	Thiết bị A										

1. Giá trên đã bao gồm tất cả các chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản liên quan và các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật.
2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: **Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày tháng năm 2024.**
3. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn.
4. Thời gian giao hàng dự kiến : 15 ngày kể từ khi nhận thông tin yêu cầu của Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Lạng Sơn.
5. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:
 - Đồng thanh toán: VNĐ
 - Thanh toán : theo số lượng giao hàng thực tế tại bệnh viện trong vòng 90 ngày kể từ khi giao hàng và công ty xuất chứng từ thanh toán.
 - Phương thức thanh toán: Chuyển khoản
6. Chúng tôi cam kết :

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác
- Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Thông tin liên hệ người làm báo giá: (Thông tin liên hệ của người trực tiếp làm báo giá)

..., ngày tháng năm 2024

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

Ký tên, đóng dấu

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại trang thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “ Danh mục trang thiết bị y tế” trong yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của trang thiết bị y tế tương ứng với chủng loại trang thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục trang thiết bị y tế”

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng trang thiết bị y tế.

(5),(6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể xuất xứ của từng trang thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng trang thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như vận chuyển, bảo quản của từng trang thiết bị y tế, chỉ tính chi phí các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí lệ phí (nếu có) cho từng loại trang thiết bị y tế hoặc toàn bộ trang thiết bị y tế. Đối với các trang thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán cho các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của trang thiết bị y tế.

(11)) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng trang thiết bị y tế. Giá trị tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng trang thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá. Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.